

Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 6 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chí Nhân

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Ấp T P, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Hằng N, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp T A B, xã T A K Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh Trần Minh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ và chị N chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên anh Đương yêu cầu xin ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh, chị có 03 người con chung tên Trương Hoàng K, sinh năm 2005; Trương Huyền T, sinh năm 2006 và Trương Hoàng K, sinh năm 2009. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu đối với cháu K đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu T và cháu K hiện đang sống với anh Đ, anh xin nuôi hai con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Anh Đ xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với chị Trần Hằng N: Quá trình Toà án giải quyết chị N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Minh Đ có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và chị Trần Hằng N đã được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng chị N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ thấy rằng, hôn nhân của anh Đ và chị N trên cơ sở tự nguyện, nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc cho anh, chị ly hôn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Đối với cháu Hoàng K đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với hai cháu Huyền T và Hoàng K từ ngày anh, chị ly thân đến nay do hai cháu do anh Đ nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển về thể chất lẫn tinh thần. Việc anh Đ xin nuôi con cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó, cần giao hai cháu Huyền T và Hoàng K cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con anh Đ không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh Đ xác định không có, chị N không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trương Minh Đ và chị Trần Hằng N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai cháu Trương Huyền T, sinh năm 2006 và Trương Hoàng K, sinh năm 2009 cho anh Trương Minh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Trần Hằng N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trương Minh Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 25 tháng 4 năm 2024, anh Đ đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0001109 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Anh Trương Minh Đ và chị Trần Hằng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến